

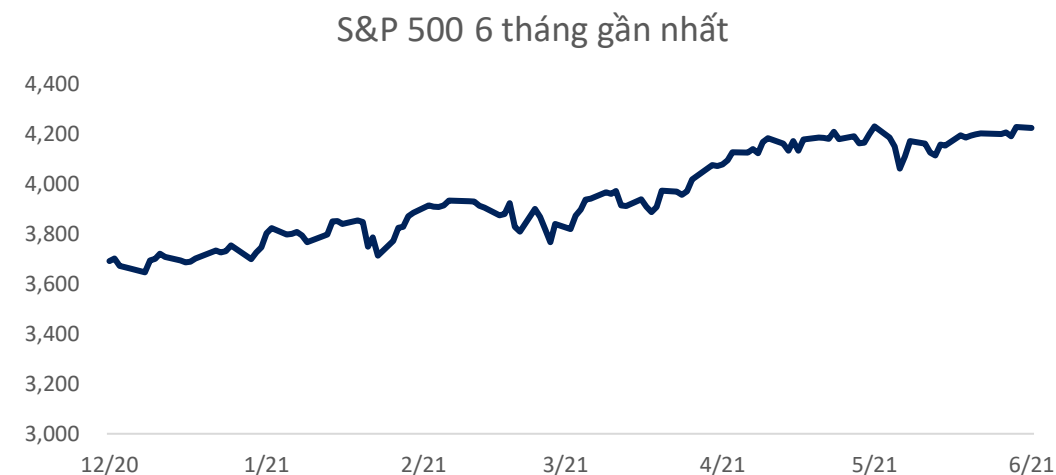
8/6/21

# **DAILY** MORNING

**VN-Index điều chỉnh xuống quanh  
1360 điểm**



|                | 8/6      | % Sáng 8/6 | 7/6      | % Ngày 7/6 | % Tuần | % Tháng |
|----------------|----------|------------|----------|------------|--------|---------|
| VN INDEX       |          |            | 1,358.78 | -1.11%     | 2.31%  | 8.65%   |
| S&P 500        |          |            | 4,226.52 | -0.08%     | 0.53%  | 1.41%   |
| S&P500 Futures | 4,230.50 | 0.12%      | 4,225.50 | -0.07%     | 0.76%  | 0.87%   |
| Shanghai       |          |            | 3,599.54 | 0.21%      | -0.44% | 4.60%   |
| Euro Stoxx     |          |            | 4,097.65 | 0.20%      | 1.44%  | 2.46%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | PTKT                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập khẩu Trung Quốc tăng 51.1% YoY lên 218.4 tỷ USD trong tháng 5, sau khi tăng 43.1% YoY trong tháng 4. Xuất khẩu tăng 27.9% YoY lên 263.9 tỷ USD trong tháng 5, sau khi tăng 32.2% trong tháng 4. Thặng dư thương mại tăng đạt 45.5 tỷ USD, thấp hơn so cùng kỳ năm 2020 đạt 61.9 tỷ USD. Năm tháng đầu 2021, nhập khẩu tăng 35.6% YoY lên 1,030 tỷ USD, xuất khẩu tăng 40.2% lên 1,240 tỷ USD. Thặng dư thương mại đạt 203.5 tỷ USD, cao hơn so cùng kỳ năm 2020 đạt 119.5 tỷ USD.</li> <li>Theo FED New York, thanh khoản hợp đồng mua lại đảo ngược (reverse repo) tăng mạnh lên 486.1 tỷ USD ngày 7/6.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kháng cự 4200       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hỗ trợ 3500         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

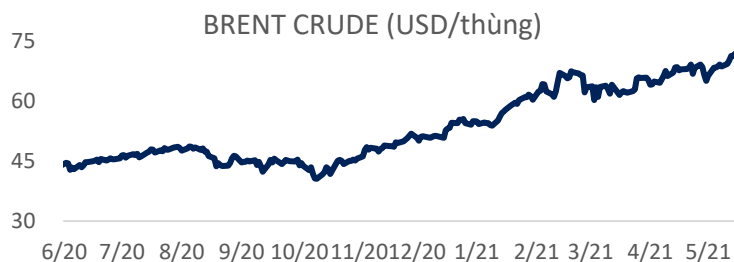


Nguồn: Bloomberg, BSC

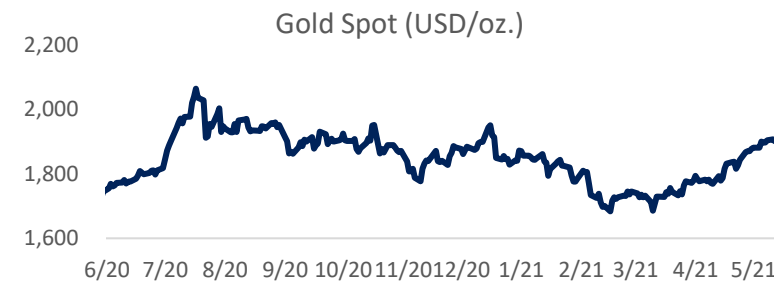
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 8/6      | % Sáng 8/6 | 7/6     | % 7/6  | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 69.10    | -0.19%     | 69.23   | -0.56% | 2.04%  | 6.85%   | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 71.38    | -0.15%     | 71.49   | -0.56% | 1.61%  | 4.97%   | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 219.38   | 0.03%      | 219.31  | -0.83% | 1.08%  | 0.04    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,900.22 | 0.05%      | 1899.21 | 0.40%  | -0.01% | 3.77%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 27.91    | 0.08%      | 27.89   | 0.35%  | 0.07%  | 1.69%   | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,443.50 | 0.24%      | 1440.00 | 0.00%  | 3.33%  | 2.45%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 684.25   | 0.63%      | 680.00  | 0.00%  | -1.33% | -9.16%  |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt. |          |            | 17.15   | -0.92% | -0.52% | -13.21% | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 241.40   | 0.58%      | 240.00  | -1.32% | 0.58%  |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |            | 17.38   | -1.86% | 0.12%  | -0.86%  | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |            | 162.20  | -0.89% | -1.28% | 6.89%   | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |            | 9900.50 | -0.55% | -3.49% | -0.49%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,979.00 | -2.24%     | 5093.00 | -1.58% | 0.04%  | -12.22% | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |            | 2426.00 | -1.18% | -2.30% | -0.76%  |                    | 0                  |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 1,115.00 | -3.67%     | 1157.50 | -1.03% | -1.93% | -7.51%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |            | 115.60  | 4.85%  | 3.12%  | 23.57%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

HĐTL dầu thô giảm chủ yếu bởi áp lực chốt lời tăng sau khi WTI chạm 70 USD/thùng. Cùng với đó, tâm lý giao dịch trở nên thận trọng trước cuộc họp về hạt nhân giữa Iran cùng các cường quốc thế giới. Đồng thời, lượng nhập khẩu dầu thô Trung Quốc giảm -14.6% YoY tại tháng 5.



Nguồn: Bloomberg, BSC

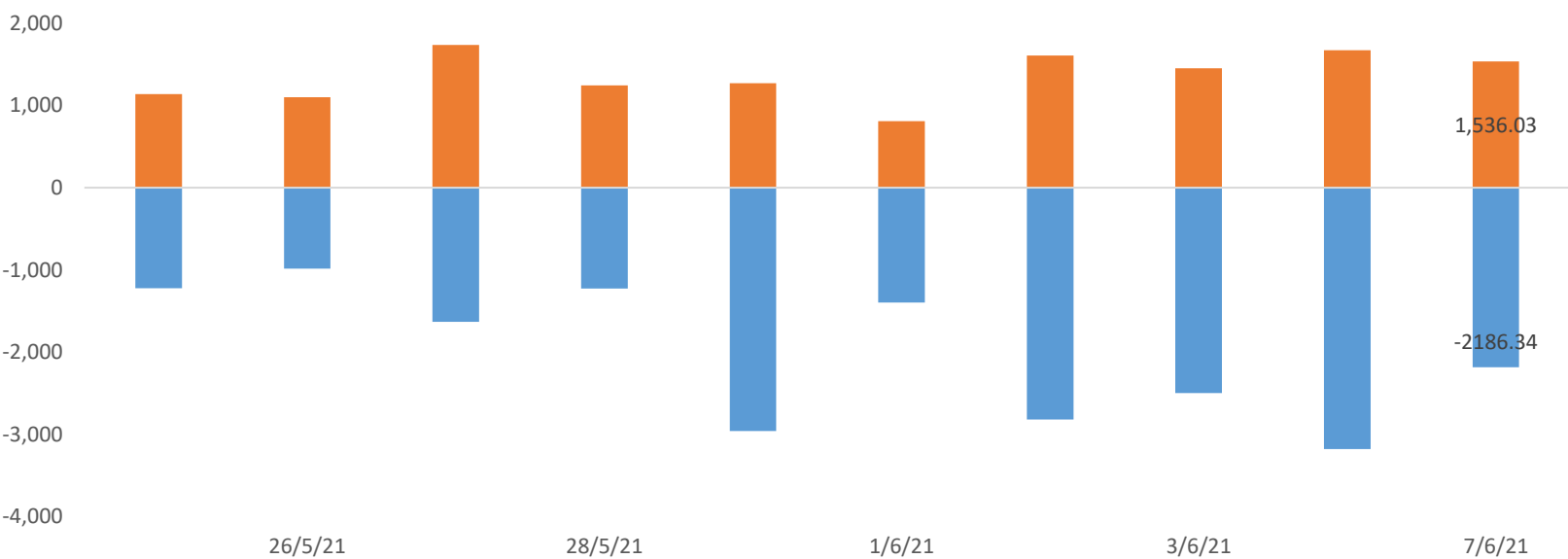


Nguồn: Bloomberg, BSC

# Các ETFs mua ròng trở lại

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |     |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|-----|------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W  | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                        |
| VNM       | 552.0            | 20.1            | 0                  | -0.1% |                           | 0.0 | 0.0  | 0.0   | 8.4 ETF E1, Finlead, MAVN30 tăng quy mô. Các ETFs giữ nguyên quy mô hiện tại. Các ETF Diamond, iShare đang có mức premium lớn.<br>-54.1 Khối ngoại bán ròng tại hầu hết các thị trường, ngoại trừ Indian và Indonesia. |
| FTSE      | 438.4            | 43.4            | 0                  | -1.8% |                           | 0.0 | -0.5 | -33.4 |                                                                                                                                                                                                                        |
| iShare    | 470.5            | 33.0            | 0                  | -0.6% |                           | 0.0 | 0.0  | -8.1  |                                                                                                                                                                                                                        |
| E1VFN30   | 408.2            | 1.1             | 0.6                | 0.1%  |                           | 0.6 | 5.7  | -4.3  |                                                                                                                                                                                                                        |
| FUEVFN30  | 559.5            | 1.1             | 0.0                | 2.9%  |                           | 0.0 | -3.8 | -0.9  |                                                                                                                                                                                                                        |
| FUESSVFL  | 128.4            | 1.0             | 3.3                | 4.4%  |                           | 3.3 | 1.1  | -2.3  |                                                                                                                                                                                                                        |
| FUESSVN30 | 3.8              | 0.8             | 0.0                | 0.0%  |                           | 0.0 | -1.0 | -0.5  |                                                                                                                                                                                                                        |
| FUEMAVN30 | 26.1             | 0.8             | 0.5                | 0.7%  |                           | 0.4 | 0.4  | 1.1   |                                                                                                                                                                                                                        |
| VN100     | 4.3              | 0.8             | 0.1                | 0.3%  |                           | 0.1 | 0.0  | 0.1   |                                                                                                                                                                                                                        |
| KIM       | 181.3            | 19.3            | 0.0                | -1.4% |                           | 0.0 | 0.0  | -14.5 |                                                                                                                                                                                                                        |
| PREMIA    | 29.3             | 13.1            | 0                  | -1.5% |                           | 0.0 | 0.0  | -0.5  | -3.1                                                                                                                                                                                                                   |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -29.92  | -29.92                | -224.21                |
| ASEAN4*                                               | -15.09  | 93.34                 | 0.21                   |
| Ấn Độ                                                 | 207.30  | 1302.82               | 590.84                 |
| Đài Loan                                              | -69.12  | -69.12                | -729.08                |
| Hàn Quốc                                              | -253.38 | -253.38               | 53.46                  |
| Nhật Bản                                              |         | 1,650.43              | -3378.40               |
| Trung Quốc                                            |         |                       | -30501.59              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | -1.15                 |                        |
| Thái Lan                                              |         | 7.74                  |                        |
| Singapore                                             |         | -1.15                 |                        |
| Phillippines                                          |         | -4.03                 |                        |
| Malaysia                                              |         | -1.44                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Dự toán thu nội địa năm 2022 bình quân tăng 6-8% so với ước thực hiện năm nay. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân khoảng 4-6% so với ước thực hiện năm nay.</li> <li>Bộ LĐT&amp;XH đề xuất tăng mức hỗ trợ bằng 30% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người tham gia. Bộ đề xuất sửa đổi điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo hướng giảm dần số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí từ 20 năm xuống 15 năm. Bộ ước tính phát sinh tăng chi ngân sách Nhà nước 49.521 tỷ đồng trong giai đoạn 2024 - 2030 (bình quân mỗi năm 7,074 tỷ đồng).</li> </ul> |          |
| Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |
| Xu hướng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tăng     |
| Chỉ báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Khả quan |
| Kháng cự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1370     |
| Hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1300     |



Nguồn: FireAnt, BSC

- MPC: Dự kiến trình cổ đông kế hoạch doanh thu 15.774 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.092 tỷ đồng; lần lượt tăng 10% và 61,7% so với năm trước. Với kết quả kinh doanh năm 2020, HĐQT trình phương án chia cổ tức tỷ lệ 20%, tương đương với mức thanh toán 400 tỷ đồng, bằng 60% lợi nhuận hợp nhất chưa phân phối tại ngày 31/12/2020. Kế hoạch cổ tức năm 2021 duy trì ở tỷ lệ 70% lợi nhuận chưa phân phối năm 2021. Ngoài ra, Minh Phú muốn chào bán 6,33 triệu cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP), tỷ lệ chào bán 0,32% số cổ phiếu đang lưu hành và giá cố định 10.000 đồng/cp.
- TCH: Thông báo, đã bán xong toàn bộ hơn 9,72 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 19/5 đến 2/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Giá bán bình quân 23.042 đồng/cổ phiếu.
- SPI: Đã thống nhất việc đổi tên công ty hiện tại thành tên mới là Công ty cổ phần Spiral Galaxy. Công ty cũng dự kiến đổi trụ sở chính từ TP HCM sang Hà Nội. Năm ngoái, SPI ghi nhận tổng doanh thu tăng hơn 4% lên 120 tỷ đồng nhưng bị lỗ 15,5 tỷ đồng. Sang năm 2021, công ty đặt mục tiêu doanh thu 150 tỷ và có lợi nhuận trước thuế 1,5 tỷ đồng.
- CLC: Ngày 11/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 14/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ 28/6/2021.
- HUB: Ngày 11/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 14/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 14/7/2021.
- SKG: Ngày 17/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 18/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 09/7/2021.
- VND: Thông báo, ngày 11/6 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua hơn 214,5 triệu cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 01 quyền được mua 01 cổ phiếu mới). Giá chào bán 14.500 đồng/cổ phiếu.
- VBC: Ngày 09/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 10/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 18%, thanh toán bắt đầu từ ngày 21/6/2021.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      |              |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      |              |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----|
| <div>CEO</div> <div>11.3</div> <div>CTCP Tập đoàn C.E.O</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Hồi phục</div> <div>Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Tích cực</div> | Kháng cự     | 12   | <div>PHR</div> <div>56.9</div> <div>CTCP Cao su Phước Hòa</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Hồi phục</div> <div>Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Tích cực</div> | Kháng cự     | 57  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Hỗ trợ       | 11   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Hỗ trợ       | 55  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | MACD         | ↑    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | MACD         | ↑   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | RSI          | ↑    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | RSI          | ↑   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Moving Avg   | ↑    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Moving Avg   | ↑   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Giá mục tiêu | 12.5 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Giá mục tiêu | 62  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Upside       | 14%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                      | Upside       | 11% |
| <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 1177.92 tỷ đồng , tăng trưởng -68.97 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là -143.52 tỷ đồng , tăng trưởng -128.38 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 51.69 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 39.62 %.                                                                                       |                                                                                                      |              |      | <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 1691.65 tỷ đồng , tăng trưởng 8.27 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 1000.65 tỷ đồng , tăng trưởng 60.96 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 13.25 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 39.54 %.                                                                                           |                                                                                                      |              |     |
| <b>Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 0.88 % ROA trung bình 3 năm của công ty là 5.89 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 1.99 % . ROE trung bình 3 năm của công ty là 15.33 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 21.87 % . Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 34.98 % . |                                                                                                      |              |      | <b>Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 17.27 % ROA trung bình 3 năm của công ty là 9.56 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 32.86 % . ROE trung bình 3 năm của công ty là 18.8 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 23.3 % . Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 18.79 % . |                                                                                                      |              |     |

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*